

KỶ NIỆM 50 NĂM CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY XUÂN MẬU THÂN 1968:
"TẾT MẬU THÂN 1968 QUYẾT GIÀNH VÀ GIỮ ĐỘC LẬP DÂN TỘC, THỐNG NHẤT TỔ QUỐC:
SỰ THẬT LỊCH SỬ, TÂM VÓC BI HÙNG"

ĐỐI PHÓ CỦA QUÂN ĐỘI SÀI GÒN TRƯỚC CÁC CUỘC TIẾN CÔNG CỦA LỰC LƯỢNG CÁCH MẠNG TRONG NĂM 1968 QUA TÀI LIỆU LƯU TRỮ

TS. VŨ QUÝ TÙNG ANH – NCS MAI THANH XUÂN

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn- Đại học Quốc gia Tp. HCM

Trước khi diễn ra cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968 của lực lượng cách mạng, trên chiến trường miền Nam có một số đặc điểm sau:

Về phía lực lượng cách mạng, sau khi đánh bại hai cuộc phản công mùa khô của Mĩ và quân đội Sài Gòn, lực lượng cách mạng có nhiều tiến bộ, tiếp tục được củng cố và phát triển. Tại Hội nghị Bộ Chính trị (tháng 12/1967) và Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 14 (tháng 01/1968), Trung ương Đảng nhận định: *"ta đang đứng trước triển vọng và thời cơ chiến lược lớn, những cố gắng chiến tranh của Mỹ đã lên đến đỉnh cao"*¹. Nhiệm vụ trọng đại và cấp bách lúc này là: *"Động viên những nỗ lực lớn nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, đưa cuộc đấu tranh của ta lên bước phát triển cao nhất, dùng phương pháp tổng công kích, tổng khởi nghĩa để giành thắng lợi quyết định"*². Trong khi đó, các báo cáo của phòng 3 (phòng tình báo trực thuộc Bộ Tổng Tham mưu quân đội Sài Gòn) vào cuối năm 1967 lại cho rằng: *"Trong năm 1968, nếu không xảy ra biến cố chính trị quan trọng nào thì chiều hướng hoạt động quân sự địch³ vẫn giữ cường độ và mức độ như hiện nay..."* tức là *"không hy vọng chiến thắng bằng quân sự..."*.

Như vậy, các báo cáo của quân đội Sài Gòn đã nhận định chủ quan, thậm chí sai lầm về chiều hướng hoạt động của lực lượng cách mạng trước khi bước vào năm 1968. Đây là nguyên nhân dẫn đến việc quân đội Sài Gòn

phải bị động đối phó trong đợt 1 của cuộc tấn công Tết Mậu Thân 1968.

Về phía quân đội Sài Gòn và Mĩ, sau khi thực hiện hai cuộc phản công chiến lược mùa khô năm 1965-1966 và 1966-1967 không đạt được những kết quả như mong muốn, Mĩ và quân đội Sài Gòn không tiêu diệt được chủ lực cách mạng, không "xé nát" được các căn cứ của ta trên các chiến trường, không đánh trúng được cơ quan lãnh đạo của Trung ương Cục và Bộ Chỉ huy Quân giải phóng, không bình định được các vùng trọng điểm, trái lại Mĩ và quân đội Sài Gòn chịu tổn thất nặng nề, đặc biệt là tổn thất về quân Mĩ, kế hoạch 3 giai đoạn vạch ra từ năm 1965 về cơ bản đã bị thất bại. Trước tình hình đó, William C. Westmoreland buộc phải điều chỉnh lại chiến lược, quyết định mở cuộc tiến công lần 3 để giành lại thế chủ động trên chiến trường, tập trung vào địa bàn chiến lược miền Đông Nam Bộ.

Về tương quan lực lượng, theo các báo cáo của Bộ Tổng Tham mưu quân đội Sài Gòn, tính đến cuối năm 1967, lực lượng cách mạng có khoảng 334.000 người, có 8 Bộ Tư lệnh Sư đoàn... chia miền Nam làm 9 Quân khu. Về phía quân đội Sài Gòn và Mỹ, cuối năm 1967, quân đội Sài Gòn có "322.140 chủ lực quân, Địa phương quân và Nghĩa quân 299.971, Tổng cộng 622.111"⁵, lực lượng Mĩ và đồng minh có "566.939 người"⁶. Tổ chức lãnh thổ quân sự của chế độ Sài Gòn được chia làm 4 Vùng chiến thuật, Quân khu Thủ đô và Đặc khu Rừng Sác.

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

Đêm 20/01/1968, tiếng súng tấn công của lực lượng cách mạng đã nổ đều trên toàn tuyến đường 9 - Khe Sanh (Quảng Trị) với “*lực lượng tương đương 2 sư đoàn luân phiên mở cuộc bao vây trong 47 ngày...*”. Cùng lúc đó, một số trận tấn công của lực lượng cách mạng cũng được thực hiện ở Lộc Ninh, Dakto, Tuy Phước, Hậu Nghĩa... Tuy vậy, đó chỉ là những trận nghi binh để giữ yếu tố bất ngờ cho hướng quan trọng nhất là Nam Bộ với trọng điểm là “Thủ đô Sài Gòn”.

**

Cuộc Tổng công kích Tổng khởi nghĩa của lực lượng cách mạng đã nổ ra từ Quảng Trị đến Cà Mau, mà trọng điểm là đô thị Sài Gòn đúng vào đêm 30 rạng 31/01/1968 (giao thừa Tết Mậu Thân). Tại Sài Gòn, lực lượng cách mạng đã tiến công và đánh vào hầu hết các cơ quan đầu não Trung ương của chế độ Sài Gòn như: Bộ Tổng Tham mưu, Phủ Tổng thống, Đài Phát thanh, Tòa Đại sứ Mỹ, Tổng nha Cảnh sát, sân bay Tân Sơn Nhất...

Mỹ và quân đội Sài Gòn cũng như chính quyền Thiệu bị bất ngờ trước cuộc tiến công gần như đồng loạt của lực lượng cách mạng trên khắp miền Nam, nhưng ngay sau đó (sau đợt 1) đã tập trung lực lượng phản kích lại một cách quyết liệt cuộc Tổng tấn công của lực lượng cách mạng nên đợt 2 và đợt 3 gặp nhiều khó khăn.

Để phối hợp và yểm trợ cho mặt trận chính “Thủ đô Sài Gòn”, lực lượng cách mạng đã mở các cuộc tấn ở “*đọc biên giới Tây giới tuyến (Khe Sanh-Quốc lộ 9), Tây Nguyên (Dakto, Đức Lập), Bắc miền Tây Nam Phần (Lộc Ninh)...*”¹⁸. Để đối phó, quân đội Sài Gòn và Mỹ đã tiến hành (tính từ tháng 01 và tháng 02 năm 1968) các cuộc hành quân từ cấp tiểu đoàn, trên cấp tiểu đoàn có 832 cuộc và được không quân hỗ trợ: Không quân của quân đội Sài Gòn thực hiện 21.708 phi xuất, Mỹ và đồng minh thực hiện 104.123 phi xuất, 201 phi vụ B52⁹. Trong đó, các cuộc hành quân tập trung đặc biệt là tại khu vực Khe Sanh, Bình Long, Dakto, Nam Tin, Hậu Nghĩa, Bình Dương, Gia Định... nổi lên là các cuộc hành quân “*Walowa-Wheele tại Nam Tin, hành quân*

Khamzei 3 tại Dakto, hành quân An Dân 17 tại Hậu Nghĩa, hành quân Trần Hưng Đạo và Harver Ford tại Đô thành và vùng ven, hành quân Scotland, Lancaster tại giới tuyến, hành quân Saratoga tại Hậu Nghĩa, Bình Dương, Gia Định...”¹⁰. Với cuộc hành quân của mình, cùng với đó là sự trợ giúp đặc lực của lực lượng Mĩ và quân đồng minh, quân đội Sài Gòn từng bước chiếm lại các cơ sở trọng yếu. Tuy nhiên, các báo cáo của Bộ Tổng Tham mưu quân đội Sài Gòn cũng thừa nhận, đợt 1 đã “*phải rút về thể phòng ngự, làm cho công cuộc bình định nông thôn bị đình trệ một thời gian, đồng thời gây cho chính phủ nhiều khó khăn về kinh tế và xã hội...*”.

Đợt 2, lực lượng cách mạng tập trung “*đánh phá các khu vực ở Bắc Gia Định, Tây Chợ Lớn... và pháo kích 127 địa điểm trên toàn quốc...*”¹². Đối phó với đợt 2, trên cơ sở nhận định: “*Việt cộng đã bị đánh bật khỏi nội đô nhưng vẫn còn ở vùng ven đô*”¹³, vào tháng 3 và 4, quân đội Sài Gòn và Mỹ đã tiến hành “*1.398 cuộc hành quân, không quân Việt Nam Cộng hòa thực hiện 23.134 phi xuất, Mỹ và đồng minh thực hiện 125.266 phi xuất, 232 phi vụ B52 tập trung vào Khe Sanh và oanh tạc miền Bắc 4.771 vụ*”¹⁴. Các cuộc hành quân nhằm đẩy mạnh áp lực của lực lượng cách mạng ra xa các thị trấn, đô thị, đồng thời duy trì thể công chủ động bảo vệ các tuyến giao thông huyết mạch. Trong đợt 2 này, quân đội Sài Gòn mong muốn: “*đẩy mạnh thể công, nới rộng địa bàn hoạt động, lũng đoạn hành lang xâm nhập triệt hạ các căn cứ tiếp vận hậu cần của Việt cộng, củng cố tình hình an ninh tại các khu dân cư, ven biển, thị trấn, trực lộ huyết mạch để hỗ trợ chương trình xây dựng nông thôn*”¹⁵. Nhận xét về đợt 2 của lực lượng cách mạng, các báo cáo của quân đội Sài Gòn đánh giá rằng, cuộc tấn công đợt này: “*thiếu chuẩn bị chu đáo nên cuộc Tổng công kích này đã kém quy mô*”¹⁶ so với đợt 1 và “*sau đó hoạt động địch đã suy giảm trên toàn thể lãnh thổ*”¹⁷.

Đợt 3, lực lượng cách mạng đã mở các cuộc tấn công vào đô thị, thị trấn, thị xã như “*các cuộc tấn công Lộc Ninh, Tây Ninh vào*

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

đêm ngày 17 rạng ngày 18-8-1968... và pháo kích đồng loạt vào nhiều địa điểm trên toàn quốc... Sau đó vào hạ tuần tháng 8 địch mở cuộc đột kích thị xã Đà Nẵng, uy hiếp các quận lỵ Thường Đức (Quảng Nam), Tiên Đức, Hậu Đức (Quảng Tín). Ngày 11-9, địch âm mưu đánh chiếm Tây Ninh lần 2 và liên tiếp tấn công các đồn Phước Tân, Thiện Ngôn (Bắc Tây Ninh), các trại lực lượng đặc biệt Dak-seang và Ban Hét (Tây Bắc Kon Tum)¹⁸. Đối phó với đợt 3 của lực lượng cách mạng, quân đội Sài Gòn đã tăng cường các cuộc hành quân lên mức độ cao gồm 2.416 cuộc; dùng không quân với tần suất hoạt động nhiều hơn: 39.690 phi xuất của quân đội Sài Gòn, 180.873 phi xuất của Mỹ và đồng minh và tăng cường sử dụng B52 với 873 phi vụ; đẩy mạnh đánh phá miền Bắc để trả đũa lên tới 10.875 phi vụ. Các cuộc hành quân trong thời gian này tập trung ở Vùng 1, 2, và Vùng 3 chiến thuật, trong đó, tháng 7 tập trung đề: “ngăn chặn kế hoạch tái đột nhập thị trấn nhất là Thủ đô Sài Gòn của Việt Cộng đồng thời bám sát các đơn vị Việt cộng điều động tại 2 khu vực phía Nam Vùng 2 chiến thuật và phía Bắc Vùng 3 chiến thuật”¹⁹. Vào tháng 8, các cuộc hành quân tiến hành nhằm: “ngăn chặn việc chuyển người và vũ khí của Việt cộng từ Bắc vào, triệt hạ các căn cứ hậu cần Quân giải phóng tại các khu vực Tây Nam Thừa Thiên, Đức Lập, Tây Ninh, Bình Long, bẻ gãy chủ trương đột kích đợt 3 của Việt cộng, phá tan chiến dịch “xuống núi lìa rừng” của Việt cộng tại 3 tỉnh phía Nam Vùng 1 chiến thuật”²⁰.

Tóm lại, để đối phó với ba đợt tấn công của lực lượng cách mạng trên toàn chiến trường miền Nam vào năm 1968, quân đội Sài Gòn và Mỹ cùng đồng minh đã liên tục đẩy mạnh các cuộc hành quân cùng tăng cường không kích bằng B52 và oanh tạc miền Bắc nhằm khôi phục lại tình hình, bởi những yếu tố bất ngờ mà cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 mang lại, đặc biệt là trong đợt 1. Nếu như đợt 1, những cuộc tấn công của lực lượng cách mạng đã đạt được một số kết quả nhất định, thì sang đợt 2 và đợt 3 áp lực của lực lượng cách mạng

đã “giảm rõ rệt và địch nhanh chóng phục hồi được lực lượng và tranh thủ tổ chức các cuộc phản kích quy mô ngày càng lớn và toàn diện, giải tỏa được đô thị, chiếm lại nông thôn, khôi phục lại tình hình gây cho ta những tổn thất nghiêm trọng”²¹. Theo các báo cáo mật của quân đội Sài Gòn thì trong “bảng tổn thất nhân mạng địch”²² năm 1968 số bị bắt là 21.651, số bị chết là 192.054, tổng cộng là 213.705”²³, còn quân đội Sài Gòn và đồng minh: “tổn thất năm 1968 với tỉ thương 33.129, mất tích 2.775, bị thương 107.262, tổng cộng 143.116”²⁴. Quân số thiệt hại giữa các bên trong chiến tranh có thể là không thật sự chính xác vì do phép khuếch đại tinh thần trong chiến tranh ở cả hai phía (thối phồng các số liệu để tuyên truyền). Thế nhưng dù số lượng chính thức cho đến nay vẫn đang còn là dấu hỏi (?) nhưng có thể nói về lực lượng, cả hai bên trong năm 1968 đã thiệt hại tương đối nặng nề.

Tuy nhiên, xét trên toàn bộ cuộc chiến, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968 của lực lượng cách mạng đã thắng lợi về mặt chiến lược, buộc Mỹ phải chấp nhận ngồi vào đàm phán ở Paris. Cùng với đó, những hình ảnh được coi là tan hoang ở giữa “Thủ đô Sài Gòn” - đầu não của chế độ Sài Gòn và các cơ quan quân sự Mỹ được các tờ báo, truyền hình nước ngoài đưa lên đã làm rung chuyển nước Mỹ và thế giới, tạo nên làn sóng phản đối chiến tranh, chống can thiệp Mỹ rộng khắp trên thế giới. Đặc biệt, ngay trong lòng nước Mỹ, phong trào phản đối chiến tranh Việt Nam bùng nổ trong mọi tầng lớp nhân dân kể cả các quan chức cao cấp, các nghị sĩ, hiệu cuộc biểu tình với sự hiện diện của hàng vạn người diễn ra trên khắp các đường phố, đã tạo sức ép lên chính quyền Mỹ. Vì vậy mà Westmoreland thú nhận rằng, với Mậu Thân năm 1968: “Họ đã đạt được mục tiêu làm cho phía Mỹ phải đơn phương xuống thang, ngừng ném bom, đình chỉ việc tăng quân và làm hỏng một cuộc chiến lược đánh mạnh và trong quá trình đó làm cho người Mỹ đến bàn hội nghị”²⁵. Không chỉ đưa đến bàn hội nghị, Mậu Thân 1968 còn “...trở thành vấn đề chính trị với triển vọng địch có thể chiến thắng Oasinhton như họ đã

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

thắng ở Gionevor năm 1954... và vừa đánh vừa đàm trên thế mạnh hơn so với Mỹ”²⁶./

Chú thích:

1. Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 12-1967 - Tài liệu lưu trữ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam
2. Nghị quyết Bộ Chính trị tháng 12-1967 - Tài liệu lưu trữ Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam
3. Phía Việt Nam Cộng hòa dùng từ “địch” để chỉ lực lượng cách mạng
4. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Kiểm điểm hoạt động của địch tại miền Nam Việt Nam năm 1968*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16458
5. Phạm Đình Chi (1970-1971), *Tổ chức Quân lực Việt Nam Cộng hòa thời hậu chiến*. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II, Vv 2779
6. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Phiếu đề trình về tình trạng lực lượng Đồng minh của Phòng 3 Bộ Tổng Tham mưu QLVNCH (Mật)*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 17492
7. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Kiểm điểm hoạt động của địch tại miền Nam Việt Nam năm 1968*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16458
8. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Kiểm điểm hoạt động của địch tại miền Nam Việt Nam năm 1968*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16458
9. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Bản tổng kết hoạt động tháng 1 và tháng 2 năm 1968 của Bộ Quốc phòng VNCH*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16104
10. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Bản tổng kết hoạt động tháng 1 và tháng 2 năm 1968 của Bộ Quốc phòng VNCH*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16104
11. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Kiểm điểm hoạt động của địch tại miền Nam Việt Nam năm 1968*, Phòng Phủ Thủ tướng, Hồ sơ 16458
12. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Kiểm điểm hoạt động của địch tại miền Nam Việt Nam năm 1968*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16458
13. Ban Tổng kết chiến tranh B2 (1984), *Quá trình cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và quy luật hoạt động của Mỹ ngay trên chiến trường B2*, Lưu hành nội bộ, Trang 164
14. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Bản tổng kết hoạt động tháng 3 và tháng 4 năm 1968 của Bộ Quốc phòng VNCH*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16104
15. Tlđđ
16. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Kiểm điểm hoạt động của địch tại miền Nam Việt Nam năm 1968*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16458
17. Tlđđ
18. Tlđđ
19. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Bản tổng kết hoạt động tháng 7 và tháng 8 năm 1968 của Bộ Quốc phòng VNCH*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16104
20. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Bản tổng kết hoạt động tháng 7 và tháng 8 năm 1968 của Bộ Quốc phòng VNCH*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16104
21. Ban Tổng kết chiến tranh B2 (1984), *Quá trình cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ và quy luật hoạt động của Mỹ ngay trên chiến trường B2*, Lưu hành nội bộ, Trang 167-168
22. Phía Việt Nam Cộng hòa dùng từ “địch” để chỉ lực lượng cách mạng
23. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Kiểm điểm hoạt động của địch tại miền Nam Việt Nam năm 1968*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16458
24. Trung tâm Lưu trữ quốc gia II. *Tổn thất nhân mạng địch, Quân lực Việt Nam Cộng hòa và đồng minh năm 1968*, Phòng Phủ Thủ tướng, HS 16780
25. Lịch sử Nam Bộ kháng chiến (2010), *Phần thứ 2: Nam Bộ kháng chiến chống Mỹ (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Trang 457
26. Bộ Quốc phòng, Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam (2013), *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Tập 6: *Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968*, Nxb Chính trị Quốc gia, Trang 35

MỘT SỐ NGHIÊN CỨU ...

(Tiếp theo trang 25)

... trong tài liệu còn thiếu các quy định cụ thể, khó áp dụng. Vì vậy, tác giả hi vọng rằng, những nghiên cứu trên đây, phần nào sẽ giúp các nhà quản lí, đối tượng thực thi và thụ hưởng chính sách có cái nhìn một cách đầy đủ về công cụ quản lí nhà nước này, từ đó, quan tâm đến hoạch định và tổ chức thực chính sách sử dụng tài liệu lưu trữ có hiệu quả hướng tới lợi ích chung của cộng đồng về quyền được tiếp cận thông tin trong tài liệu lưu trữ. /.

Chú thích:

1. Học viện Hành chính Quốc gia (2014), *Phân lý thuyết*, Tài liệu bồi dưỡng ngạch chuyên viên chính (Quyển 1), tr.112-152
2. Vũ Cao Đàm (2011), *Giáo trình khoa học chính sách*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, tr29
3. Nguyễn Hữu Hải và Lê Văn Hoà (2013), *Đại cương về phân tích chính sách công*, Nxb Chính trị Quốc gia- Sự thật, Hà Nội, tr 09
4. Nguyễn Hữu Hải và Lê Văn Hoà (2013), *Đại cương về phân tích chính sách công*, Nxb Chính trị Quốc gia- Sự thật, Hà Nội, tr 15
5. Trần Thị Loan (2017), “Giới thiệu về ngành lưu trữ Hợp chủng quốc Hoa Kỳ”, Tạp chí Khoa học Nội Vụ, Số 17, Tr 101-107
6. Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước (2008), *Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc*, Kỳ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Hà Nội, tr 107
7. Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước (2008), *Phát huy giá trị tài liệu lưu trữ phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc*, Kỳ yếu hội thảo khoa học quốc tế, Hà Nội, tr 18-23.